

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 8 – 2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Kim Cương

Ông Nguyễn Chí Lin

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA.

Ngày 22 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 375/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ngọc Th, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm 4, thôn Xuân Phổ Đ, xã Nghĩa K, huyện Tư Ng, tỉnh QN.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Xóm 4, thôn Xuân Phổ Đ, xã Nghĩa K, huyện Tư Ng, tỉnh QN.

Tạm trú: Ấp Bình Th, xã Hòa Khánh Đ, huyện ĐH, tỉnh LA.

(Chị Th có mặt, anh M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Ngọc Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng cưới nhau từ năm 2003, đến ngày 15/5/2006 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nghĩa K, huyện Tư Ng, tỉnh QN cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã về vấn đề tiền bạc, anh M thường

xuân chửi mắng, đánh đập chị, không quan tâm lo lắng cho chị. Chị và anh M đã ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh M có 04 con chung tên Nguyễn Phạm Tuyết Minh, sinh ngày 13/10/2004; Nguyễn Phạm Tuyết My, sinh ngày 24/6/2007; Nguyễn Phạm Ngọc Mỹ, sinh ngày 09/8/2011 và Nguyễn Phạm Ngọc Quyên, sinh ngày 02/11/2015, con chung do anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đồng ý giao 04 con chung cho anh M nuôi, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng.

Về chia tài sản: Chị Th xác định chị và anh M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th xác định chị và anh M không có nợ ai.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án như sau: Thống nhất với phần trình bày của bà Phạm Thị Ngọc Th về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thời gian ly thân, con chung; về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Không có. Nay chị Phạm Thị Ngọc Th xin ly hôn, anh M đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị Th. Do bận công việc nên anh xin vắng mặt các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Ngọc Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Anh M hiện đang cư trú tại xã Hòa Khánh Đ, huyện ĐH, tỉnh LA. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là chị Phạm Thị Ngọc Th có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là anh Nguyễn Văn M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Phạm Thị Ngọc Th:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Phạm Thị Ngọc Th và anh Nguyễn Văn M tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 54 đăng ký ngày 15/5/2006 do Ủy ban nhân dân xã Nghĩa K, huyện Tư Ng, tỉnh QN cấp, nên xác định hôn nhân giữa chị Th và anh M là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa chị Th và anh M có phát sinh mâu thuẫn. Chị Th yêu cầu được ly hôn với anh M và anh M cũng đồng ý. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Th và anh M là có thật, các bên cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, càng chứng tỏ rằng quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Th và anh M là phù hợp.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, con chung tên là Nguyễn Phạm Tuyết Minh, sinh ngày 13/10/2004; Nguyễn Phạm Tuyết My, sinh ngày 24/6/2007; Nguyễn Phạm Ngọc Mỹ, sinh ngày 09/8/2011 đã đủ 07 tuổi và có ý kiến nguyện vọng được ở với anh M. Đối với cháu Nguyễn Phạm Ngọc Quyên, sinh ngày 02/11/2015 chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của con chung muốn sống với ai. Tại phiên tòa, chị Th đồng ý giao 04 con chung cho anh M nuôi và chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi 04 con chung mỗi tháng là 1.000.000đồng/cháu. Xét thấy, hiện tại con chung đang do anh M trực tiếp nuôi dưỡng và đang có cuộc sống ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, trên cơ sở ý kiến của chị Th và ý kiến của con chung, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần giao cháu Minh, My, Mỹ, Quyên cho anh M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp, đúng với nguyện vọng của con. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Ngọc Th cấp dưỡng nuôi 04 con chung mỗi tháng là 1.000.000đồng/cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[4.3] Về chia tài sản chung: Chị Th và anh M đều xác định không có tài sản chung, Tòa án không đề cập giải quyết.

[4.4] Về nợ chung: Ghi nhận chị Th và anh M xác định không có nợ chung, Tòa án không đề cập giải quyết, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Ngọc Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng và 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc Th.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 04 con chung tên là Nguyễn Phạm Tuyết Minh, sinh ngày 13/10/2004; Nguyễn Phạm Tuyết My, sinh ngày 24/6/2007; Nguyễn Phạm Ngọc Mỹ, sinh ngày 09/8/2011 và Nguyễn Phạm Ngọc Quyên, sinh ngày 02/11/2015. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Ngọc Th cấp dưỡng nuôi 04 con chung là cháu Minh, My, Mỹ, Quyên mỗi tháng là 1.000.000đồng/cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Ngọc Th phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng

được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005134 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh LA. Chị Phạm Thị Ngọc Th còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (M lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (M lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LA;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- UBND xã Nghĩa K, huyện
Tư Ng, tỉnh QN; (để ghi
vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Quốc